

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG  
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**  
(Cập nhật ngày 5/4/2019)**

| TT | THẠC SĨ                | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung |    | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung   |                  |
|----|------------------------|---|-------------------------------|----|---|---|------------------|
|    | Ngành/chuyên ngành     | Ngành đúng/phù hợp  | Tên học phần                  | TC | Ngành gần   | Tên học phần  | TC               |
| 1  | Đại số và lý thuyết số | - Sư phạm Toán<br>- Cử nhân Toán.   | Không                         |    | Không   | Không   |                  |
|    |                        | - Cử nhân Toán ứng dụng<br>- Cử nhân Toán - Tin   | Không                         |    |   |   |                  |
|    |                        | - Sư phạm Toán - Tin<br>- Cử nhân Toán - Lý<br>- Sư phạm Toán - Lý  | Không                         |    |   |   |                  |
| 2  | Hệ thống thông tin     | - Tin học<br>- Công nghệ thông tin<br>- Hệ thống thông tin<br>- Khoa học máy tính<br>- Kỹ thuật máy tính<br>- Mạng máy tính và truyền thông | Không                         |    | - Sư phạm Tin học<br>- Hệ thống thông tin quản lý<br>- Tin học quản lý<br>- Quản trị hệ thống thông tin<br>- Thương mại điện tử<br>- Toán-Tin<br>- Lý-Tin<br>- Thông kê-Tin học<br>- Tin học kinh tế<br>- Tin học môi trường<br>- Địa lý-Tin học<br>- Hệ thống thông tin địa lý<br>- Xử lý thông tin<br>- Kỹ thuật thông tin<br>- Sư phạm Toán học<br>- Toán ứng dụng<br>- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông<br>- Công nghệ kỹ thuật máy tính<br>- Kỹ thuật điện tử, truyền thông<br>- Điện tử viễn thông<br>- Kỹ thuật máy tính<br>- Tất cả các chuyên ngành khác có chương trình đào tạo khác 10-40% so với cử nhân Công nghệ thông tin ở khối kiến thức ngành | - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao<br>- Hệ phân tán<br>- Quy hoạch tuyến tính<br>- Phân tích và thiết kế hệ thống | 2<br>2<br>2<br>2 |

| TT | THẠC SĨ                 | ĐẠI HỌC  | Các học phần phải học bổ sung   |        | ĐẠI HỌC  | Các học phần phải học bổ sung   |                  |
|----|-------------------------|--|---|--------|--|---|------------------|
|    | Ngành/chuyên ngành      | Ngành đúng/phù hợp   | Tên học phần  | TC     | Ngành gần  | Tên học phần  | TC               |
| 3  | Hóa hữu cơ              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Sư phạm Hóa học</li> <li>- Cử nhân Khoa học Hóa học</li> <li>- Cử nhân Phân tích - Môi trường</li> <li>- Cử nhân Hóa dược</li> <li>- Cử nhân Khoa học môi trường (có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)</li> <li>- Công nghệ Hóa học, Hóa dầu, Hóa thực phẩm</li> </ul> | Không   |        | Không  | Không   |                  |
| 4  | Hóa lý thuyết và hóa lý | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Sư phạm Hóa học</li> <li>- Cử nhân Khoa học Hóa học</li> <li>- Cử nhân Phân tích – Môi trường</li> <li>- Cử nhân Hóa dược</li> <li>- Cử nhân Khoa học môi trường (có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)</li> <li>- Công nghệ Hóa học, Hóa dầu, Hóa thực phẩm</li> </ul> | Không   |        | Không  | Không   |                  |
| 5  | Ngôn ngữ học            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ văn</li> <li>- Ngôn ngữ học</li> <li>- Văn học</li> <li>- Sư phạm Ngữ văn</li> </ul>  | Không   |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo chí và truyền thông</li> <li>- Nhóm Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam</li> <li>- Nhóm Ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài</li> </ul>                              | - Ngữ âm tiếng Việt   | 2                |
|    |                         |  |   |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn hoá học</li> <li>- Các ngành đại học có chương trình đào tạo khác từ 10-40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành</li> </ul>                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ pháp tiếng Việt</li> <li>- Phong cách học tiếng Việt</li> </ul>  | 3<br>3           |
| 6  | Quản lý giáo dục        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý giáo dục</li> <li>- Giáo dục học</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự thi:</li> <li>- Đại cương quản lý giáo dục</li> <li>- Phát triển chương trình giáo dục</li> </ul> | 3<br>3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</li> <li>- Các ngành có chương trình đào tạo khác biệt từ 10-40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại cương quản lý giáo dục</li> <li>- Phát triển chương trình giáo dục</li> <li>- Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục</li> <li>- Lịch sử giáo dục</li> </ul> | 3<br>3<br>3<br>3 |

| TT | THẠC SĨ            | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung |    | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung   |    |
|----|--------------------|---|-------------------------------|----|---|---|----|
|    | Ngành/chuyên ngành | Ngành đúng/phù hợp  | Tên học phần                  | TC | Ngành gần   | Tên học phần  | TC |
|    |                    |   |                               |    | Các ngành khác  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại cương quản lý giáo dục 3</li> <li>- Phát triển chương trình giáo dục 3</li> <li>- Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục 3</li> <li>- Lịch sử giáo dục 3</li> <li>- Tâm lý học đại cương 3</li> <li>- Giáo dục học đại cương 4</li> <li>- Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&amp;ĐT 2</li> </ul> |    |
| 7  | Sinh thái học      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh - Kỹ thuật NN</li> <li>- Cử nhân Sinh - Môi trường</li> </ul> | Không                         |    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học ứng dụng</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Môi trường</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hóa và đa dạng sinh học 3</li> <li>- Khoa học môi trường 3</li> <li>- Động vật học 3</li> </ul>   |    |
|    |                    |   |                               |    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Thủy sản</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Nông học</li> <li>- Trồng trọt</li> <li>- Các ngành khác có chương trình đào tạo khác từ 10-40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành</li> </ul> | Thực vật học 3  |    |
| 8  | Toán giải tích     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm Toán</li> <li>- Cử nhân Toán</li> </ul>  | Không                         |    | Không   | Không   |    |
|    |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Toán ứng dụng</li> <li>- Cử nhân Toán - Tin</li> </ul>   | Không                         |    |   |   |    |
|    |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm Toán - tin</li> <li>- Cử nhân Toán - Lý</li> <li>- Sư phạm Toán - Lý</li> </ul>  | Không                         |    |   |   |    |
| 9  | Văn học Việt Nam   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm Ngữ Văn</li> <li>- Cử nhân Văn học</li> </ul>  | Không                         |    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ học;</li> <li>- Báo chí và Truyền thông;</li> <li>- Hán Nôm</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn luận lí luận văn học 3</li> <li>- Phương pháp nghiên cứu khoa học (Văn học) 2</li> <li>- Đại cương Thi pháp học 2</li> <li>- Thơ Việt Nam hiện đại 2</li> </ul>  |    |
|    |                    |   |                               |    | Sáng tác văn học  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn luận lí luận văn học 3</li> <li>- Phương pháp nghiên cứu khoa học (Văn học) 2</li> </ul>   |    |

| TT | THẠC SĨ                                      | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung |    | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung  |             |
|----|--|---|-------------------------------|----|---|--|-------------|
|    | Ngành/chuyên ngành                           | Ngành đúng/phù hợp  | Tên học phần                  | TC | Ngành gần   | Tên học phần   | TC          |
| 10 | Phương pháp toán sơ cấp                      | - Sư phạm Toán<br>- Cử nhân Toán<br>- Cử nhân Toán ứng dụng<br>- Cử nhân Toán - Tin<br>- Sư phạm Toán - Tin<br>- Cử nhân Toán - Lý<br>- Sư phạm Toán - Lý   | Không                         |    | Không   | Không  |             |
| 11 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý | Sư phạm Vật lý  | Không                         |    | - Cử nhân vật lý học<br>- Cử nhân Vật lý ứng dụng<br>- Cử nhân Vật lý tin học<br>- Cử nhân Vật lý công nghệ...  | - Lý luận và phương pháp dạy học vật lý<br>- Phân tích chương trình vật lý phổ thông hiện hành                         | 3<br>3      |
|    |  |   |                               |    | - Sư phạm Lý - Tin bậc đại học<br>- Sư phạm Vật lý - công nghệ<br>- Sư phạm Vật lý - Kỹ thuật   | - Vật lý lý thuyết 1<br>- Phân tích chương trình vật lý phổ thông hiện hành<br>- Lý luận và phương pháp dạy học vật lý | 3<br>3<br>3 |
| 12 | Sinh học thực nghiệm                         | - Cử nhân KH Sinh học<br>- Cử nhân Sư phạm Sinh học<br>- Cử nhân Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp<br>- Cử nhân KH Công nghệ sinh học<br>- Cử nhân Kỹ thuật sinh học<br>- Cử nhân Sinh học ứng dụng<br>- Cử nhân Kỹ thuật y sinh<br>- Cử nhân, kỹ sư các ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm (có số TC sinh học là 45-50TC) | Không                         |    | Không   | Không  |             |
| 13 | Lịch sử Việt Nam                             | - Sư phạm Lịch sử<br>- Khoa học Lịch sử   | Không                         |    | - Giáo dục chính trị; Chính trị học; Hồ Chí Minh học; Xây dựng Đảng; Lịch sử Đảng; Đông Phương học; Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Lịch sử thế giới; Việt Nam học; Lịch sử Văn hóa Việt Nam; Văn hóa học; Nhân học; Quản lý văn hóa; Bảo tàng học và Di sản; Lịch sử đô thị và đô thị học; Xã hội học; Văn học; Văn hoá học; Báo chí | - Lịch sử Việt Nam đại cương<br>- Phương pháp luận Sử học  | 2<br>2      |

| TT | THẠC SĨ            | ĐẠI HỌC  | Các học phần phải học bổ sung  |             | ĐẠI HỌC   | Các học phần phải học bổ sung  |                            |
|----|--------------------|--|--|-------------|---|--|----------------------------|
|    | Ngành/chuyên ngành | Ngành đúng/phù hợp   | Tên học phần   | TC          | Ngành gần   | Tên học phần   | TC                         |
| 14 | Việt Nam học       | Việt Nam học   | Không  |             | - Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Triết học; Báo chí; Nhân học; Quốc tế học; Luật học; Quản lý xã hội; Giáo dục Chính trị; Chính trị học; Hán Nôm; Xã hội học; Quản trị dịch vụ Du lịch và Lễ hành; Khoa học môi trường; Địa lý; Địa lý du lịch; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Đông phương học; Du lịch học; Tâm lý học | - Cơ sở Văn hóa Việt Nam<br>- Lịch sử Việt Nam đại cương<br>- Địa lý Việt Nam  | 2<br>2<br>2                |
| 15 | Tâm lý học         | - Tâm lý học,<br>- Tâm lý - Giáo dục học   | Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự thi:<br>- Tâm lý học đại cương<br>- Tâm lý học phát triển                   | 3<br>3      | Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Cử nhân hệ sư phạm)<br>Công tác xã hội<br>Xã hội học và nhân học<br>Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân  | - Tâm lý học phát triển<br>- Khoa học chẩn đoán tâm lý<br>- Tham vấn tâm lý<br>- Nhập môn Công tác xã hội<br>- Giáo dục học đại cương<br>- Tâm lý học giáo dục<br>- Tâm lý học đại cương | 3<br>3<br>3<br>3<br>3<br>3 |
| 16 | Giáo dục học       | <b>Định hướng nghiên cứu</b><br>- Tâm lý giáo dục<br>- Cử nhân hệ sư phạm                | Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự thi:<br>- Giáo dục học đại cương<br>- Lý luận dạy học<br>- Lý luận giáo dục | 2<br>2<br>2 | Tâm lý học  | - Giáo dục học đại cương<br>- Lý luận dạy học<br>- Lý luận giáo dục  | 2<br>2<br>2                |
|    |                    | <b>Định hướng ứng dụng (Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học)</b><br>Cử nhân Giáo dục Tiểu học | Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự thi:<br>- Giáo dục học đại cương  | 2           | Cử nhân hệ sư phạm khác   | - Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học.<br>- Cơ sở tự nhiên - xã hội và PPDH ở tiểu học.<br>- PPDH thủ công - kĩ thuật ở tiểu học.<br>- PPDH Tiếng Việt ở tiểu học                        | 3<br>3<br>3<br>3           |
|    |                    | <b>Định hướng ứng dụng (Chuyên ngành Giáo dục Mầm non)</b><br>Cử nhân Giáo dục Mầm non   | Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự thi:<br>- Giáo dục học đại cương  | 2           | Không   | Không  |                            |